

Số: 04/2024/QĐST-KDTM

**P**, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**\* Nguyên đơn:**

**Ngân hàng N1 (A)**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Toàn V**, chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ trụ sở chính: **Số B L, phường T, quận B, Tp .**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Đặng Thị Thu P** - Giám đốc **A** – **Chi nhánh huyện P** theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc **A** về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

*Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng:* Ông **Lê Khắc Anh N** - Phó Giám đốc **A** - **Chi nhánh huyện P** theo văn bản ủy quyền lại số 11/NHNo.BTh-PQ ngày 27/5/2024.

Địa chỉ chi nhánh: **Số A đường V, thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận.**

**\* Bị đơn:**

Ông **Đình P1** - sinh năm: 1984

Bà **Huỳnh Thị Đ** - sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: **Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.**

**2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**- Về số nợ:**

Ông **Đinh P1** và bà **Huỳnh Thị Đ** đồng ý và chấp nhận thanh toán cho **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P** tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2021 là 4.363.823.425 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó:

Nợ gốc là 3.714.500.000 đồng (*trong đó nợ gốc quá hạn từ ngày 04/01/2023 là 400.000.000 đồng và đến ngày 03/01/2024 tiếp tục quá hạn số tiền là 550.000.000 đồng*).

Nợ lãi là: (đã trừ số tiền lãi được Nhà nước hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 67 của Chính phủ): 649.323.425 đồng. Trong đó:

+ Số tiền lãi trong hạn: 614.774.110 đồng.

+ Số tiền lãi quá hạn: 34.549.315 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số 4815-LAV-201700170ELD Ngay\_HDTD 23/01/2017 hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/PLHĐ ngày 02/01/2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2020/PLHĐ ngày 25/12/2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2021/PLHĐ ngày 16/12/2021.

Ông **Đinh P1** và bà **Huỳnh Thị Đ** tiếp tục thanh toán số tiền lãi vay phát sinh kể từ ngày 26/7/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng; hợp đồng sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Trường hợp ông **Đinh P1** và bà **Huỳnh Thị Đ** không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nêu trên, **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P** có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý:

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số DH02.01/67/2017/HĐTC ký ngày 19/01/2017 chứng thực ngày 20/01/2017; đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 23/01/2017 và ngày 20/4/2017 trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng; Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PLHĐ29/03/2017. Tài sản thế chấp hình thành trong tương lai là chiếc tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 8234, số đăng ký: BTh – 97002 - TS ngày 27/02/2017 mang tên ông **Đinh Phong**.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ cho **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P** thì ông **Đinh P1** và bà **Huỳnh Thị Đ** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P**.

**- Về án phí:**

*Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng, các bên thỏa thuận, **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P** không phải chịu. Ông **Đinh P2** và bà **Huỳnh Thị Đ1** trả lại số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện P**.

*Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Các bên thỏa thuận, ông **Đinh Phong Bà Huỳnh Thị Đ2** tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.181.900 đồng.

**Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện P** không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền 56.122.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003554 ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận cho **Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện P**.

**3/** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Phú Quý;
- THA huyện Phú Quý;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Văn Kiệt**